TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN** ——— Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST Ngày: 10-7-2020 Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hồng Hải

2. Bà Tạ Ngọc Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ Ph1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp N, xã Th, huyện M, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh Ph2 (Lê Thanh L1), sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Bà Ph1 có mặt, ông Ph2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10/3/2020, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa đương sự trình bày như sau:

Về lời trình bày của nguyên đơn bà Ph1: Bà và ông Ph2 quen biết nhau do mai mối và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2001; Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10/2015 ngày 08 tháng 01 năm 2015. Sau khi cưới nhau, bà về sống

chung với gia đình chồng tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bà thường xuyên cãi vả, không hợp nhau; Từ đầu năm 2017, bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống, ông Ph2 và bà không cải thiện được tình cảm vợ chồng; Bà xác định không còn tình cảm với ông Ph2. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung tên Lê Thị Thanh Nh1 (nữ) sinh ngày 08/6/2002, Lê Thị Thanh H1 (nữ) sinh ngày 12/7/2006, hiện đang sống chung với bà nội. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa bà Ph1 vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông Ph2, yêu cầu nuôi con chung Lê Thị Thanh H1, không yêu cầu ông Ph2 cấp dưỡng, đối với con chung Lê Thị Thanh Nh1 đã trưởng thành nên không có yêu cầu.

Về lời trình bày của bị đơn ông Ph2: Do ông Ph2 được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến gửi Tòa án nên không có lời trình bày.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

Nội dung vụ án: Bà Ph1 và ông Ph2 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp; Quá trình giải quyết vụ án, ông Ph2 được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, ông Ph2 không có thiện chí và cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân thêm nữa. Con chung Lê Thị Thanh Nh1 đã trưởng thành, bà Ph1 rút lại yêu cầu nên không đề cập đến, con chung Lê Thị Thanh H1 có nguyện vọng ở với bà Ph1, bà Ph1 có việc làm, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Ph1, bà Ph1 được ly hôn với ông Ph2, giao con chung Lê Thị Thanh H1 cho bà Ph1 nuôi dưỡng và chăm sóc; Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và chia nợ chung không có yêu cầu nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: bà Ph1 yêu cầu ly hôn với ông Ph2 và yêu cầu nuôi con chung, ông Ph2 có nơi cư trú tại xã T, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng

Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông Ph2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Ph2 là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Ph1 và ông Ph2 là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V vào ngày 08/01/2015 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh ngày 02/6/2020 và bà Ph1 xác định từ năm 2017 bà và ông Ph2 không còn sống chung, không còn quan tâm đến bà. Đồng thời, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo, quyết định cho ông Ph2 nhưng ông Ph2 cũng không liên hệ đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không có văn bản thể hiện ý kiến và cũng không quan tâm đến việc bà Ph1 yêu cầu ly hôn, như vậy ông Ph2 đã có thái độ bỏ mặc tình trạng hôn nhân cho bà Ph1 tự định đoạt. Tại phiên tòa bà Ph1 cũng xác định đã không còn tình cảm với ông Ph2, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ph1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Con chung Lê Thị Thanh Nh1 đã trưởng thành, bà Ph1 rút lại yêu cầu nên không xem xét; Đối với con chung Lê Thị Thanh H1 có nguyện vọng được ở với mẹ và bà Ph1 có việc làm ổn định, có thu nhập đảm bảo cuộc sống của con chung; Ông Ph2 không có ý kiến tranh chấp về việc nuôi con với bà Ph1. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà Ph1 là có căn cứ. Bà Ph1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà Ph1 xác định không tranh chấp tài sản chung còn nợ chung thì không có; Ông Ph2 cũng không có yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập đến, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn của bà Ph1.

[6] Về án phí: Do bà Ph1 không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà Ph1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung của bà Lê Thị Mỹ Ph1.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ Ph1 được ly hôn với ông Lê Thanh Ph2.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Thanh H1 (Giới tính: nữ), sinh ngày 12/7/2006 cho bà Lê Thị Mỹ Ph1 trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà Lê Thị Mỹ Ph1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ Ph1 phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Mỹ Ph1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 17/3/2020 theo biên lai thu tiền số 0004750 sang tiền án phí.

Báo cho bà Ph1 biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ph2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu